

Bản án số: 104/2021/DS - PT

Ngày: 11/3/2021

*V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản,
yêu cầu hủy quyết định cá biệt.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 812/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Hứa P, sinh năm 1953;

Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Văn phòng Luật sư T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

*** Bị đơn:** Ông Hứa C, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 2, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Ông Hứa C đã chết ngày 01/11/2019,.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C: Gồm bà Hà Thị C và ông Hứa C, Hứa C1 là vợ và các con của ông C (*những người này cũng đã tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ*

liên quan). Bà C, ông C có mặt, ông C1 vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hứa C1: Ông Lê Duy T, sinh năm 1984; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Có mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Hứa H, sinh năm 1936;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hứa C2, sinh năm 1983. Có mặt

2. Ông Hứa Đ, sinh năm 1944;

Cùng địa chỉ: Tổ 2, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Có mặt

3. Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1954; Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Vắng mặt

4. Bà Hứa Thị Thùy V, sinh năm 1973; Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

5. Bà Hứa Thị Thùy L, sinh năm 1974; Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

6. Ông Hứa Đỗ Quang V, sinh năm 1977; Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

7. Ông Hứa Đỗ Quốc V, sinh năm 1979; Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà C, bà V, bà L và ông V: Ông Hứa Đỗ Quang V, sinh năm 1977. Có mặt

8. Bà Hà Thị C, sinh năm 1953; Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hứa C, sinh năm 1976; Có mặt

9. Ông Hứa C1, sinh năm 1984;

10. Ông Hứa C, sinh năm 1976; Có mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 2, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Ông Hứa C ủy quyền cho bà Mai Thị T; Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/3/2019), bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C: ông Ngô Thanh T – Luật sư, Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Có mặt

11. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam; Vắng mặt

Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình D, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H. Vắng mặt

*** Người kháng cáo:** Nguyên đơn - ông Hứa P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa H, ông Hứa Đ, ông Hứa C và bà Hà Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các văn bản có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ gia đình: Cha của ông Hứa P là ông Hứa N (sinh năm 1908, mất năm 1987) và mẹ là bà Phạm Thị H (sinh năm 1912, mất năm 2003). Cha mẹ ông có 05 người con gồm ông Hứa N (sinh năm 1949, mất năm 2009); ông Hứa H, ông Hứa Đ, ông Hứa C và ông Hứa P. Ông Hứa N có vợ là bà Đỗ Thị C, các con là Hứa Thị Thùy V, Hứa Thị Thùy L, Hứa Đỗ Quang V, Hứa Đỗ Quốc V. Ông Hứa C có vợ là bà Hà Thị C, các con trai là ông Hứa C1 và ông Hứa C.

Về nguồn gốc thửa đất: Cha mẹ ông có tạo lập được một thửa đất và có đăng ký, kê khai theo Hồ sơ kê khai 299/CP là thửa số 88, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.665m² tại xã C. Đến năm 1999 Nhà nước tiến hành đăng ký lại quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP thì em trai út của ông là Hứa C đại diện đứng tên đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Lúc này các anh em ông đã ra ở riêng nên đã chuyển tách hộ khẩu.

Do đó Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã H (nay là UBND thành phố H) đã cấp GCNQSDĐ số U692195 ngày 13/12/1999 cho hộ ông Hứa C với diện tích đất 1.278m², loại đất ở + đất vườn thuộc thửa số 9, tờ bản đồ số 9 và diện tích 117m² loại đất lâu năm khác thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 9 tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Năm 2009 UBND thành phố H đã thu hồi diện tích đất 117m², thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 9 để mở rộng đường C (điều chỉnh biên động ngày 27/11/2014) và đã thu hồi diện tích đất 130,5m², thuộc thửa số 9, tờ bản đồ số 9 để mở rộng đường C (điều chỉnh biên động ngày 01/12/2014).

Ngày 20/12/2010, hộ ông Hứa C được UBND thị xã H cho tách thành một thửa mới là thửa đất số 363, tờ bản đồ số 15, diện tích 300,9m² và được cấp GCNQSDĐ số BB 390715. Sau đó, thửa đất 363 tách thêm thửa đất khác là thửa 370, tờ bản đồ số 15, diện tích 152,2m² và ngày 14/02/2011 UBND thành phố H đã chỉnh lý biên động về việc hộ ông Hứa C, bà Hà Thị C tặng cho ông Hứa C. Thửa số 363, tờ bản đồ số 15, còn lại diện tích 148,7m² và ngày 10/02/2011 UBND thành phố H đã chỉnh lý biên động về việc hộ ông Hứa C, bà Hà Thị C tặng cho ông Hứa C1 thửa đất này.

Do đó, thửa đất số 9, tờ bản đồ số 9, diện tích đất thực tế còn lại là 846,6m². Trên diện tích đất này hiện đã có nhà thờ tộc, nhà cấp 4 và một số tài sản khác mà cha mẹ ông để lại.

Hiện nay ông Hứa C đã có Đơn trình bày và thỏa thuận tự nguyện xin được chuyển giao lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên phần diện tích đất còn lại cho các anh của ông cùng quản lý và sử dụng. Đây là di sản của cha mẹ ông để lại cho các anh em ông cùng nhau quản lý, thờ phụng tổ tiên ông bà. Tuy nhiên, ông Hứa C (con trai cả của ông Hứa C) không đồng ý và tranh chấp đất đai với các anh em ông.

Do đó, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu phân chia tài sản thừa kế, yêu cầu hủy GCNQSDĐ và hủy chỉnh lý biên động.

Theo các văn bản có tại hồ sơ vụ án và lời khai của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Thông nhất với phần trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc tài sản và quan hệ gia đình và thống nhất việc phân chia tài sản thừa kế như nguyên đơn yêu cầu.

Về việc phân chia tài sản thừa kế đối với thửa đất số 9 (84), tờ bản đồ số 9 (15) tại T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam: Ông C tự nguyện nhường toàn bộ tài sản này lại cho các anh ruột của ông là ông Hứa H, ông Hứa Đ, ông Hứa P. Lý do vì ông đã được hưởng tài sản thừa kế của ông Hứa N và bà Phạm Thị H trong khối tài sản khác là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 303, diện tích 263,2m² và thửa 364, diện tích 37,7 m²; tổng cộng diện tích đất ông đã được hưởng là 300,9m². Nay vì lí do sức khỏe nên ông tự nguyện thỏa thuận giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của cha mẹ ông để lại cho các anh ruột của ông là ông Hứa H, ông Hứa Đ, ông Hứa P quản lý và sử dụng.

Về tài sản gắn liền trên phần diện tích đất 846,6m² tại thửa đất số 9 (84), tờ bản đồ số 9 (15): Ông thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn. Ngôi nhà cấp 4 là do vợ chồng ông góp công sức sửa chữa lại, do đó đề nghị thối trả lại cho ông giá trị ngôi nhà theo kết quả của Hội đồng định giá là 58.404.400 đồng. Tất cả các tài sản còn lại là thuộc quyền sở hữu của các anh em ông.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thành phố H:

Tại Văn bản số 885/UBND ngày 04/4/2019 và Văn bản số 3000/UBND ngày 18/9/2019 của UBND thành phố H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.278m² được UBND thị xã H (nay là thành phố H) cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Hứa C theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg là thửa đất số 88, tờ bản đồ số 3 xã C (cũ), diện tích 1.665m² loại đất T (thổ cư) do ông Hứa N kê khai, đăng ký. Theo hồ sơ Nghị định 64/CP của Chính phủ là thửa đất số 09, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.278m² do ông Hứa C kê khai, đăng ký.

Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ theo Nghị định 64/CP, hộ gia đình ông Hứa C là người đang sử dụng đất ổn định, không tranh chấp, khiếu nại; do đó, Hội đồng xét giao đất xã C (nay là phường C) đề nghị UBND thị xã H cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình là đúng theo trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện.

- Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án thì bà Hà Thị C trình bày:

Về quan hệ gia đình: Bà thống nhất với nguyên đơn trình bày. Về nguồn gốc tài sản: Hộ gia đình bà đứng tên trong GCNQSDĐ cấp ngày 13/12/1999. Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ là cấp cho hộ gia đình ông Hứa C. Tài sản này là tài

sản riêng của vợ chồng bà, không phải là di sản của ông N, bà H. Sau khi Nhà nước mở đường, giải tỏa đi một phần diện tích đất, một phần tách thửa để cho hai con bà Hứa C, Hứa C1 làm nhà ở riêng, phần còn lại 846,6m² vợ chồng bà sử dụng làm nhà ở, làm vườn trồng hoa màu để kiếm sống.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu phân chia tài sản thừa kế bà không đồng ý. Vì tài sản này được xác định là tài sản của hộ gia đình bà. Hộ gia đình bà đã sinh sống trên diện tích đất này từ khi bà mới về làm vợ ông Hứa C, thể hiện rõ trong sổ hộ khẩu do bà là chủ hộ.

Đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp ngày 13/12/1999: Hộ gia đình bà đã sinh sống trên thửa đất và làm thủ tục kê khai, đăng ký theo quy định pháp luật để được UBND thị xã H cấp GCNQSDĐ là phù hợp. Do đó, bà không đồng ý yêu cầu hủy GCNQSDĐ của nguyên đơn.

- Ông Hứa C trình bày:

Thông nhất với phần trình bày của bà Hà Thị C về quan hệ gia đình và nguồn gốc tài sản.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu phân chia tài sản thừa kế thì ông không đồng ý. Vì tài sản này được xác định là tài sản của cha mẹ ông. Tài sản này không phải là di sản thừa kế. Hộ gia đình ông Hứa C đã sinh sống trên diện tích đất, thể hiện rõ trong sổ hộ khẩu do mẹ ông là chủ hộ.

Đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp ngày 13/12/1999: Hộ gia đình ông đã sinh sống trên thửa đất và làm thủ tục kê khai, đăng ký theo quy định pháp luật để được UBND thị xã H cấp GCNQSDĐ cho cha mẹ ông là phù hợp. Do đó, ông không đồng ý yêu cầu hủy GCNQSDĐ của nguyên đơn.

Về việc nguyên đơn yêu cầu hủy chính lý biến động ngày 14/02/2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H) về việc hộ ông Hứa C, bà Hà Thị C tặng cho ông Hứa C đối với thửa 370, tờ bản đồ số 15, diện tích 152,2m² thì ông không đồng ý. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông.

- Ông Hứa C1 trình bày:

Ông thông nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình và nguồn gốc tài sản. Ông là con của ông Hứa C và bà Hà Thị C. Năm 2011 ông đã được cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa 363, tờ bản đồ số 15, diện tích 148,7m² đất, loại đất ở đô thị. Ông thông nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia tài sản thừa kế là diện tích đất 846,6m² tại thửa đất số 9 (84), tờ bản đồ số 9 và hủy GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Hứa C.

Về việc nguyên đơn yêu cầu hủy chính lý biến động ngày 10/02/2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H) về việc hộ ông Hứa C, bà Hà Thị C tặng cho ông Hứa C1 đối với thửa 363, tờ bản đồ số 15, diện tích 148,7m² thì ông không có ý kiến gì.

- Ông Hứa Đỗ Quang V trình bày:

Ông là người đại diện cho mẹ và các anh chị em của ông là con của ông Hứa N tham gia tố tụng tại Tòa án. Ông thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình, nguồn gốc tài sản và việc phân chia di sản thừa kế. Gia đình ông tự nguyện nhường toàn bộ di sản mà chúng tôi được hưởng từ khối tài sản của ông bà nội ông để lại cho các ông Hứa H, ông Hứa Đ, ông Hứa P quản lý và làm nơi thờ tự gia tộc vì gia đình ông đã được hưởng thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất Nhà nước mở đường hoán đổi theo GCNQSDĐ số L692 165 do UBND thành phố H cấp ngày 10/10/2000.

- Ông Hứa H trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình, nguồn gốc tài sản và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Hứa Đ trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình, nguồn gốc tài sản và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; Điều 34; Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 623 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hứa P.

1. Phân chia tài sản thừa kế như sau:

- Giao tài sản gồm:

+ Phần diện tích đất 488,2m², thuộc thửa đất số 9 (84), tờ bản đồ số 9(15), tại khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (gắn liền nhà thờ tộc và nhà cấp 4) giao cho các ông Hứa H, ông Hứa Đ, ông Hứa P, Hứa C, các đồng thừa kế của ông Hứa N (vợ và các con ông Hứa N) cùng nhau quản lý, sử dụng diện tích đất này (có sơ đồ kèm theo).

+ Phần diện tích đất 358,4m², thuộc thửa đất số 9 (84/1), tờ bản đồ số 9 (15), tại khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam giao cho các ông Hứa H, ông Hứa Đ, ông Hứa P cùng nhau quản lý, sử dụng diện tích đất này (có sơ đồ kèm theo).

+ Phần tài sản ông Hứa C được nhận là diện tích đất là 300,9m² (gồm thửa 370, tờ bản đồ số 15, diện tích 152,2m², hiện đang có tài sản trên đất của ông Hứa C; và thửa số 363, tờ bản đồ số 15, diện tích 148,7m² hiện đang có tài sản trên đất của ông Hứa C1). Phần tài sản trên diện tích đất này ông Hứa C, Hứa C

và Hứa C1 tự thỏa thuận giải quyết, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu giải quyết vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

+ Ông Hứa H, ông Hứa Đ, ông Hứa P, ông Hứa C và các đồng thừa kế của ông Hứa N có trách nhiệm thời trả giá trị ngôi nhà cấp 4 cho vợ chồng ông Hứa C, bà Hà Thị C theo giá trị định giá của Hội đồng định giá là 58.404.400 đồng.

+ Ông Hứa H, ông Hứa Đ, ông Hứa P, ông Hứa C và các đồng thừa kế của ông Hứa N có trách nhiệm trích trả chi phí về công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế cho vợ chồng ông Hứa C, bà Hà Thị C với số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U692195 ngày 13/12/1999 do Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là Ủy ban nhân dân thành phố H) cấp cho hộ ông Hứa C đối với thửa đất số 9, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.278m² (hiện nay diện tích đất thực tế còn lại là 846,6m²) tại khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá; quyền kháng cáo và quyền thi hành án

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 9 năm 2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Hứa C, bà Hà Thị C có đơn kháng cáo, lý do kháng cáo về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, không tổ chức đối chất để làm rõ mâu thuẫn trong các lời khai, không tổ chức công khai chứng cứ, việc thu thập chứng cứ không đúng với quy định của pháp luật, đánh giá chứng cứ không khách quan, không đầy đủ, thay đổi tư cách tham gia tố tụng của đương sự nhưng không thông báo để đương sự trình bày lại lời khai, tham gia tố tụng không đúng địa vị pháp lý. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vắng mặt bà C là không đúng pháp luật. Về nội dung: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U692195, do UBND thành phố H cấp ngày 13/12/1999 cho hộ gia đình ông Hứa C là đúng pháp luật, tài sản nhà đất là của vợ chồng ông C, bà C. Do vậy, ông C, bà C yêu cầu hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DSST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 ông Hứa H, Hứa Đ, Hứa P kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 32/2019/DSST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc buộc ông Hứa P, Hứa H, Hứa Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Hứa C và bà Hà Thị C số tiền quản lý, bảo vệ di sản thừa kế là 300.000.000 đồng là quá cao, không đúng thực tế và quy định của pháp luật.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét phúc thẩm ông Hứa P (*nguyên đơn*) các ông Hứa H, Hứa Đ và Hứa C (*người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*) có đơn xin rút lại đơn kháng cáo.

Bà Hà Thị C: Xin thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét công sức quản lý, giữ gìn, tôn tạo di sản thừa kế của bà C, trích cho bà một phần diện tích đất trong khối di sản của cụ N, cụ H để lại cho bà có chỗ ở.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C trình bày: Bà C đã ở trên nhà đất là di sản thừa kế của cụ N, cụ H trên 45 năm, chăm sóc cụ N, cụ H khi tuổi già, sau khi các cụ mất, vợ chồng ông C, bà C đã trực tiếp quản lý, giữ gìn, tôn tạo di sản, quá trình sử dụng đất hộ ông C, bà C đã được Nhà nước cân đối đất đai theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, quá trình sử dụng hộ ông C, bà C đã đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật, thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp thuế từ năm 1993 đến nay, năm 2007 đã thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở, nhưng hiện nay theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã chia toàn bộ nhà đất của cụ N, cụ H, trong đó có nhà ở của vợ chồng bà C xây dựng cho các đồng thừa kế là không đảm bảo quyền lợi cho bà C, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, xem xét trích một phần di sản là hiện vật về quyền sử dụng đất trong phạm vi đất chưa xây dựng để trả công sức quản lý, giữ gìn, tu tạo và bồi đắp nhằm đảm bảo cho bà C có chỗ ở.

Ông Hứa P là nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P trình bày: Không đồng ý với yêu cầu của bà C, tuy nhiên các đồng thừa kế đứng về phía nguyên đơn đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế, cho bà C được lưu trú trong ngôi nhà ngang nằm phía sau nhà thờ cho đến khi qua đời, đồng thời thống nhất hỗ trợ công sức quản lý, bảo quản di sản thừa kế cho bà C với số tiền là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hứa C (đã mất) trình bày: Ông Hứa C thống nhất theo ý kiến của ông Ngô Thanh Tài, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C. Ông Lê Duy Tuấn đại diện theo ủy quyền của ông Hứa C1, thống nhất theo ý kiến của ông Hứa P.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do sau khi xét xử sơ thẩm ông Hứa C chết, căn cứ Khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hứa C bao gồm bà Hà Thị C, các con của ông C là ông Hứa C và ông Hứa C1 vào tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Hứa H, ông Hứa Đ, ông Hứa P và ông Hứa C, chấp nhận một phần kháng cáo của bà C về việc ghi nhận sự tự nguyện của phía nguyên đơn cho bà C được sử dụng, ăn ở sinh hoạt trong ngôi nhà ngang do ông C, bà C xây dựng trước đây, nằm phía sau nhà thờ cho đến khi qua đời và ghi nhận sự tự nguyện của phía nguyên đơn chi trả thêm công sức cho bà C số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*), sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm.

[1]. Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/11/2019 ông Hứa C mất, do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xác định những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hứa C bao gồm vợ là bà Hà Thị C, con gồm ông Hứa C và Hứa C1 tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hứa C.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự ông Hứa P ông Hứa H, Hứa Đ, và anh Hứa C rút lại đơn kháng cáo. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289, Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các kháng cáo của đương sự nêu trên.

Đối với việc bà Hà Thị C xin thay đổi bổ sung nội dung kháng cáo không quá vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bà C theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xem xét kháng cáo của bà Hà Thị C, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]. Tại Bản án sơ thẩm đã xác định hàng thừa kế của cụ N (chết năm 1987) và cụ H (chết năm 2003) bao gồm: ông Hứa N (sinh năm 1949, mất năm 2009); ông Hứa H (1936), ông Hứa Đ (1944), ông Hứa C (1954) và ông Hứa P (1953). Ông N đã mất có vợ là bà Đỗ Thị C và các con gồm Hứa Thị Thùy V, Hứa Thị Thùy L, Hứa Đỗ Quang V và Hứa Đỗ Quốc V là đúng với quy định của pháp luật. Tại giai đoạn phúc thẩm do ông Hứa C chết nên bà Hà Thị C (*vợ ông C*) ông Hứa C, Hứa C1 (*con ông C*) kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C.

[2.2]. Về di sản thừa kế, tại Bản án sơ thẩm đã xác định nguồn gốc tài sản nhà đất bao gồm thửa số 88, tờ bản đồ số 33 diện tích 1665 m² tại xã C do cụ N đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg và ngôi nhà cấp 4 (hiện đang dùng làm nơi thờ tự) là di sản thừa kế do cụ Hứa N và cụ Phạm Thị H tạo lập, để lại là có căn cứ, đúng pháp luật. Cụ N, cụ H mất không để lại di chúc nên di sản thừa kế được chia theo pháp luật.

[2.3]. Quá trình sử dụng di sản, các ông Hứa N, Hứa H, Hứa Đ, Hứa P là con của cụ N và cụ H, sau khi trưởng thành thì đi sinh sống, làm việc ở nơi khác, chỉ có ông Hứa C và vợ là Hà Thị C chung sống cùng vợ chồng cụ N, cụ H. Cụ N, cụ H già yếu nên ông C bà C trực tiếp chăm sóc hai cụ, quản lý sử dụng đất và đăng ký đất đai theo Nghị định 64/CP, ngày 13/12/1999 UBND thị xã H (nay là thành phố H) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U692195, thửa đất số 09, tờ bản đồ số 09 phường C, diện tích 1.278 m² loại đất ở và đất vườn và thửa đất số 08 tờ bản đồ số 9 diện tích 117 m² loại đất trồng cây lâu năm (tổng cộng 1.395 m²) cho hộ gia đình ông Hứa C.

Theo ông Hứa C trình bày nhà đất nói trên là di sản của cụ N, cụ H, ông chỉ là người đại diện đứng tên kê khai đăng ký và thống nhất về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Hứa P và các đồng thừa kế khác.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định toàn bộ nhà, đất của cụ N, cụ H để lại để chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4]. Xem xét việc hủy GCNQSDD cấp cho hộ ông C, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, bà C cho rằng vợ chồng bà là người trực tiếp quản lý, sử dụng và được cân đối đất đai theo Nghị định 64/CP và được cấp GCNQSDD là đúng pháp luật, quyền sử dụng đất thuộc về gia đình bà C, bà C không đồng ý chia thừa kế đối với nhà đất, tuy nhiên như đã phân tích nêu trên, nhà đất có nguồn gốc do cụ N, cụ H tạo lập, cụ N đã đăng ký đất đai nên toàn bộ tài sản nhà đất của cụ N, cụ H để lại, theo trình bày của ông C thì ông chỉ là người đại diện cho các đồng thừa kế đứng tên trên GCNQSDD, nay họ yêu cầu chia di sản, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định việc cấp GCNQSDD cho hộ ông C là không đúng pháp luật nên đã hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U692195 do UBND thị xã H (nay là thành phố H) cấp ngày 13/12/1999 cho hộ gia đình ông C là có căn cứ pháp luật. Đối với việc chỉnh lý biến động ngày 10/02/2011 và ngày 14/02/2011 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hội an đối với diện tích 148,7m² cho ông C1 diện tích 152,2m² cho ông C nằm trong 300,9m² ông C được nhận thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm không hủy chỉnh lý biến động là có căn cứ.

[2.5]. Xem xét yêu cầu của bà Hà Thị C, xét thấy: Bà C không thuộc diện thừa kế nên không được chia di sản, nhưng bà C đã cùng ông C là người quản lý, bảo quản, giữ gìn và tôn tạo di sản của cụ N, cụ H trong một khoảng thời gian dài, chính sách luật pháp về đất đai của Nhà nước qua nhiều lần thay đổi, đặc biệt hộ gia đình ông C, bà C được cân đối và giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, thời điểm cân đối giao đất thì phần lớn diện tích thửa đất là loại đất nông nghiệp, các đồng thừa kế khác đã có nhà đất ổn định ở nơi khác, trường hợp ông C, bà C không quản lý di sản của cụ N, cụ H thì hộ ông C, bà C cũng có thể được Nhà nước cân đối giao một số diện tích đất ở nơi khác theo quy định của pháp luật đất đai, quá trình sử dụng đất hộ ông C, bà C đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và năm 2007 đã chuyển đổi toàn bộ diện tích mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở làm tăng giá trị đối với thửa đất, các tình tiết của vụ án liên quan việc xem xét công sức có tính chất tương tự Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc các đồng thừa kế trả chi phí về công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế cho vợ chồng ông Hứa C, bà Hà Thị C với số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) là chưa thỏa đáng, không đảm bảo quyền lợi cho bà C, theo khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 và Điều 212 Bộ luật dân sự năm 2015, lẽ ra với công sức quản lý, giữ gìn, tôn tạo di sản nêu trên của ông C, bà C, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xem xét trích một phần giá trị hoặc hiện vật trong khối di sản, tương ứng từ 30 đến 40% trong khối di sản thừa kế để trả công sức quản lý, bảo quản, giữ gìn tôn tạo di sản cho ông C, bà C mới tương xứng.

Mặt khác, xem xét việc tuyên xử về chi trả công sức cho ông C, bà C tại Bản án sơ thẩm đã xử là không rõ ràng, cụ thể tại phần quyết định của Bản án sơ

thẩm không xác định trách nhiệm mỗi người bao nhiêu, có nghĩa vụ liên đới hay không, sau khi xét xử sơ thẩm, ông Hứa Đỗ Quang V có giao cho ông C số tiền 250.000.000 đồng là để cho ông C đi chữa bệnh, sự việc này bà C hoàn toàn không hay biết, tại phiên tòa phúc thẩm các đồng thừa kế đứng về phía nguyên đơn và Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc các đồng thừa kế đứng về phía nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ thêm cho bà C số tiền 200.000.000 đồng và cho bà C được ở trong ngôi nhà ngang nằm phía sau nhà thờ cho đến khi qua đời. Xét thấy nội dung đề nghị nêu trên của các đồng thừa kế và Kiểm sát viên là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà C. Hoàn cảnh của bà C, hiện nay không có chỗ ở nào khác, đối với diện tích 300,9m² là kỷ phần thừa kế và một phần công sức quản lý di sản của ông Hứa C được hưởng, hơn nữa trên thực tế ông C cũng đã định đoạt cho các con trai là ông Hứa C, Hứa C1, ông C, ông C1 đã xây dựng nhà ở riêng từ năm 2011.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận kháng cáo của bà C, sửa một phần Bản án sơ thẩm, trích một phần hiện vật là quyền sử dụng đất trong khối di sản của cụ N, cụ H để trả công sức quản lý, giữ gìn, tôn tạo di sản cho bà C.

[2.6]. Xem xét yêu cầu của bà C về hiện vật quyền sử dụng đất trong diện tích đất là di sản thừa kế xét thấy:

Theo sơ đồ hiện trạng và diện tích thửa đất, nhận thấy tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tổng diện tích thửa đất là 1.147,5m², đối với phần diện tích đất 300,9m² chia cho ông Hứa C, năm 2011 ông C đã tách thành 02 thửa, thửa số 370 diện tích 152,2m² cho ông C, thửa 363 diện tích 148,7m² cho ông C1 làm nhà, đối với thửa đất số 84/1 có diện tích 358,4m² đã chia cho các ông Hứa H, Hứa Đ, Hứa P quản lý chung, hơn nữa phần đất này nằm phía trước nhà thờ tộc nên không xem xét chia cho bà C trong diện tích này, đối với phần diện tích 488,2 m² (theo sơ đồ thửa số 84), Tòa án cấp sơ thẩm giao phần diện tích này cho các đồng thừa kế để sử dụng vào việc thờ cúng có gắn liền nhà thờ và ngôi nhà ngang của ông C, bà C trước đây, thấy rằng, ở giữa thửa số 363 (nhà ông Hứa C1) với nhà thờ và nhà ngang của ông C, bà C còn một phần đất trống, trên đất chỉ có 01 cái giếng nước và một phần chái che tạm, phần đất này không ảnh hưởng gì đến nhà thờ của cụ N, cụ H để lại, do vậy cần chia phần đất có kích thước chiều dài 37,7m (tiếp giáp thửa 363), chiều rộng phía sau 3m (tiếp giáp thửa 85), chiều rộng phía trước 3m (tiếp giáp đường bê tông 2,5m và tiếp giáp đường Nguyễn Tri Phương 0,67m), diện tích 112,5m². Giao giếng nước có giá trị 3.669.000 đồng cho bà C sử dụng, đối với một góc chái có diện tích 2m² nằm trên phần đất chia cho bà C, do làm tạm, giá trị không lớn nên buộc các đồng thừa kế tháo dỡ để giao đất cho bà C.

[3]. Đối với phần diện tích đất còn lại là 357,7m², thuộc thửa đất số 9 (84), tờ bản đồ số 9(15), tại khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (gắn liền nhà thờ tộc và nhà cấp 4) giao cho các ông Hứa H, ông Hứa Đ, ông Hứa P, các đồng thừa kế của ông Hứa N, Hứa C (vợ và các con ông Hứa N, Hứa C) cùng nhau quản lý, sử dụng (có sơ đồ kèm theo Bản án phúc thẩm).

Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Hứa P có cung cấp một số tài liệu liên quan đến việc dự kiến Nhà nước sẽ thu hồi 17,4m² của thửa đất là di sản thừa kế để mở đường, xét nội dung này chưa xảy ra và không liên quan gì đến kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm, bà C thuộc đối tượng người già nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo được chấp nhận nên bà C không phải chịu, ông Hứa C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật, các ông Hứa P, Hứa H, Hứa Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 174; Điều 244; điểm b, điều 289, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các ông Hứa P, Hứa H, Hứa Đ và ông Hứa C, chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị C, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng các Điều 212, 617, 618, 623, 649, 651 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 29 Điều 3, Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hứa P.

1. Phân chia tài sản thừa kế như sau:

+ Giao phần diện tích đất 375,7m², thuộc thửa đất số 9 (theo sơ đồ số 84), tờ bản đồ số 9(15), tại khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam và tài sản trên đất gồm ngôi nhà thờ (do cụ H, cụ N để lại) ngôi nhà ngang cấp 4 (do ông C, bà C xây dựng) và một số công trình phụ, mái che gắn liền trên thửa đất này cho các ông Hứa H, ông Hứa Đ, ông Hứa P, các đồng thừa kế của ông Hứa N, ông Hứa C (vợ và các con ông Hứa N, Hứa C) cùng nhau quản lý, sử dụng diện tích đất này (có sơ đồ kèm theo).

+ Phần diện tích đất 358,4m², thuộc thửa đất số 9 (84/1), tờ bản đồ số 9 (15), tại khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam giao cho các ông Hứa H, ông Hứa Đ, ông Hứa P cùng nhau quản lý, sử dụng diện tích đất này.

+ Phần tài sản ông Hứa C được nhận là diện tích đất là 300,9m² (gồm thửa 370, tờ bản đồ số 15, diện tích 152,2m² (hiện đang có tài sản nhà trên đất của ông Hứa C); và thửa số 363, tờ bản đồ số 15, diện tích 148,7m² (hiện đang có tài

sản nhà trên đất của ông Hứa C1). Phần tài sản trên diện tích đất này Hứa C và Hứa C1 tự thỏa thuận giải quyết, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu giải quyết vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

+ Giao một phần diện tích đất tại thửa đất số 9 (theo sơ đồ số 84), tờ bản đồ số 9(15), tại khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam để trả công sức đóng góp vào việc quản lý, giữ gìn và tôn tạo di sản thừa kế của cụ N, cụ H cho bà Hà Thị C, phần đất có kích thước chiều dài 37,7m (tiếp giáp thửa 363), chiều rộng phía sau 3m (tiếp giáp thửa 85), chiều rộng phía trước 3m (tiếp giáp đường bê tông 2,5m và tiếp giáp đường Nguyễn Tri Phương 0,67m), diện tích 112,5m². Giao giếng nước có giá trị 3.669.000 đồng cho bà C sử dụng, đối với phần chái lợp tôn, cột gỗ, xà gỗ sắt có diện tích 2m², nằm trên phần đất chia cho bà C, buộc các đồng thừa kế tháo dỡ để giao đất cho bà C (*có sơ đồ kèm theo Bản án phúc thẩm*).

+ Ông Hứa H, ông Hứa Đ, ông Hứa P và các đồng thừa kế của ông Hứa N (*bà Đỗ Thị C và các con gồm Hứa Thị Thùy V, Hứa Thị Thùy L, Hứa Đỗ Quang V và Hứa Đỗ Quốc V*), ông Hứa C (*con gồm Hứa C, Hứa C1*) có trách nhiệm liên đới bồi trả giá trị ngôi nhà cấp 4 cho bà Hà Thị C theo Biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 07/8/2019, số tiền là 54.735.400 đồng (*đã trừ lại giá trị giếng nước là 3.669.000 đồng*). Phần mỗi người ở hàng thừa kế thứ nhất của cụ N, cụ H là 10.947.080 đồng.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U692195 ngày 13/12/1999 do Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là Ủy ban nhân dân thành phố H) cấp cho ông Hứa C đối với thửa đất số 9, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.278m² (*hiện nay diện tích đất thực tế còn lại là 846,6m²*) tại khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Giữ nguyên theo phần Quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 12, Điều 29 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, ông Hứa C phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, ông C đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại Biên lai số 0000372 ngày 30/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam, trả lại cho ông Hứa C 150.000 đồng. các ông Hứa P, Hứa H, Hứa Đ và bà Hà Thị C không phải chịu phí dân sự phúc thẩm.

Về chi phí thẩm định, đo đạc tại giai đoạn phúc thẩm số tiền là 6.500.000 đồng (*sáu triệu năm trăm ngàn đồng*), bà Hà Thị C tự nguyện chịu, bà Ngân đã nộp đủ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Kể từ ngày người được thi hành án, có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi